TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 821/2023/HC-PT
Ngày 10 tháng 11 năm 2023
V/v khiếu kiện quyết định hành chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤPCAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Điền
Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Hưng
Ông Nguyễn Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhạn, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:Bà Phan Diệu Nhân, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 524/2023/TLPT-HC ngày 06 tháng 7 năm 2023 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính", do Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2023/HC-ST ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Toà án nhân dân tỉnh Hòa Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12422/2023/QĐ-PT ngày 25 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Lê Thị M, sinh năm 1961; địa chỉ: xóm M, xã Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Anh Nguyễn Đức A, sinh năm 1990; địa chỉ: Khê N, xã V, huyện M, Thành phố Hà Nội (Giấy ủy quyền ngày 18/8/2023).

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H: Ông Quách Tất L, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H: Ông Nguyễn Hữu L1, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh H: Ông Quách Tất L, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh H và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H: Ông Nguyễn Phương Đ, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H.

3.2. Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố H và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H: Ông Lý Bình T, Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố H.

3.3. Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Mạnh T1, Viên chức Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố H.

3.4. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng H, Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố H.

3.5. Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc Q, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

4. Người kháng cáo: Bà Lê Thị M (Là người khởi kiện).

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Lê Thị M, anh Nguyễn Đức A, ông Nguyễn Phương Đ, ông Lý Bình T, ông Nguyễn Mạnh T1 có mặt; những người tham gia tố tụng khác có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các Đơn khởi kiện đề ngày 18/11/2022, ngày 20/12/2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện là bà Lê Thị M và người đại diện hợp pháp của bà M trình bày:

Thời điểm Ủy ban nhân dân (UBND) huyện K ban hành quyết định số 352/QĐ-UBND ngày 12/3/2012 thì đã có dự án làm đường, phê duyệt số tiền đền bù giải phóng mặt bằng cho người dân; cùng năm thì chủ đầu tư cũng đã thực hiện chi trả đủ tiền bồi thường, hỗ trợ đối với 12 hộ dân xóm H và 09 hộ dân xóm D. UBND thành phố H nêu

là do khó khăn về kinh phí thực hiện dự án nên mới tiến hành chi trả một phần tiền cho 66 hộ dân xóm D nhưng không có bất cứ văn bản nào thể hiện. Trong khoảng từ năm 2013 - 2016, nhà nước chỉ nêu dự án bị đình, giãn tiến độ, cắt giảm hạng mục công trình và người dân đồng ý tạm ứng mặt bằng để thi công chứ không có văn bản nào thể hiện là không có tiền trả bồi thường cho người dân. Năm 2018-2019 UBND huyện K nêu rằng sẽ tiến hành chi trả tiền cho người dân chậm nhất vào năm 2021, điều này là do cơ quan nhà nước tự ý kiến. Từ thời điểm có Quyết định thu hồi đất thì gia đình bà đã bị mất đi quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, gây thiệt hại đặc biệt lớn về kinh tế.

Không đồng ý với việc chậm chi trả tiền bồi thường, bà M đã làm đơn khiếu nại gửi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Ngày 27/7/2021, Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 3996/QĐ-UBND. Không đồng ý với quyết định trên, bà M tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh H.

Ngày 30/11/2021, Chủ tịch UBND tỉnh H ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 2817/QĐ-UBND. Không đồng ý với quyết định trên, ngày 18/11/2022 và ngày 20/12/2022 bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 2817/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H về việc "giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị M và 22 hộ dân, trú tại xóm M, xã Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình" (viết tắt là: Quyết định 2817).

- Hủy Quyết định số 3996/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H về việc "giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị M và 22 hộ dân, trú tại xóm M, xã Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình" (viết tắt là: Quyết định 3996).

- Buộc chủ tịch UBND thành phố H bổ sung phương án bồi thường cho gia đình bà M, xin lỗi công khai gia đình bà và các hộ dân bị thiệt hại vì ban hành quyết định hành chính trái pháp luật.

- Buộc Chủ tịch UBND thành phố H, tỉnh Hòa Bình bồi thường thiệt hại về vật chất cho gia đình bà M số tiền 30.000.000 đồng.

2. Ý kiến của người bị kiện:

2.1. Tại Văn bản số 201 ngày 23/2/2023, người đại diện hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh H trình bày:

- Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của 23 hộ gia đình tại xóm D - B (nay là xóm M), xã Đ, thành phố H: Nguồn gốc khu đất của các hộ gia đình bị thu hồi đất tại dự án Đường B - Xóm D - B do các hộ khai phá từ những năm 1990. Theo hồ sơ đo địa chính, đất thuộc các tờ bản đồ số 39-5d, 6a, 6b, 6c, 8d, 9, 10, xã D; mục đích sử dụng là đất ở, đất trồng cây lâu năm khác, đất trồng cây hàng năm, đất 1 lúa, 2 lúa.

- Về trình tự, thủ tục, căn cứ ban hành Quyết định thu hồi đất đối với với bà Lê Thị M:

Trình tự thủ tục thu hồi đất thực hiện theo Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ, cụ thể:

Ngày 16/5/2011, UBND huyện K ban hành Thông báo số 35/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Đường B - Xóm D - B.

Ngày 12/3/2012, UBND huyện K ban hành Quyết định số 352/QĐ- UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: Đường B - Xóm D - B, huyện K. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ là 7.307.220.000 đồng.

Ngày 18/6/2012, UBND huyện K ban hành Quyết định số 676/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân tại xóm D, xã D để xây dựng công trình Đường B - Xóm D - B, huyện K với tổng diện tích là 5.408,9m^2; trong đó diện tích thu hồi của bà Lê Thị M là 1.516m^2; vị trí đất thuộc giai đoạn thi công đoạn cuối cùng của tuyến đường.

Ngày 19/6/2012, UBND huyện K ban hành Quyết định số 681/QĐ-UBND về việc phê duyệt lại dự toán, phương án bồi thường hỗ trợ công trình Đường B - Xóm D - B, huyện K (đợt 2, đoạn đi qua xóm D, xã D). Trong đó, hộ bà Lê Thị M được bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất là 291.404.096 đồng, hộ gia đình bà M (ông Đinh Đại L2 là chồng bà M) đã nhận tạm ứng số tiền đền bù GPMB là 45.000.000 đồng.

Do nguồn vốn chi trả cho công tác GPMB gặp khó khăn, đồng thời hộ bà M không đồng ý bàn giao mặt bằng. Để đảm bảo việc thực hiện dự án theo kế hoạch, ngày 06/11/2017 UBND tỉnh H ban hành Quyết định số 2199/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh thiết kế và dự toán công trình Đường B - Xóm D - B, huyện K. Ngày 31/10/2018, UBND huyện K ban hành Quyết định số 2615/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh thiết kế và dự toán công trình Đường B - Xóm D - B, huyện K.

Ngày 18/11/2020, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 4678/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 18/6/2012 và Quyết định số 4679/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 681/QĐ-UBND ngày 19/6/2012 của UBND huyện K. Theo đó, đã điều chỉnh giảm diện tích thu hồi hộ bà Lê Thị M từ 1.516m^2 xuống còn 267,6m^2 và điều chỉnh giảm số tiền bồi thường từ 291.404.096 đồng xuống 59.866.596 đồng. Như vậy, số tiền bồi thường hỗ trợ GPMB bà Lê Thị M chưa nhận là 14.866.596 đồng (59.866.596 đ - 45.000.000 đ = 14.866.596 đ).

Ngày 18/3/2021, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố H chi trả số tiền còn lại là 14.866.596 đồng cho hộ bà M, tuy nhiên hộ không đến nhận tiền.

Việc điều chỉnh giảm diện tích đất phải thu hồi của gia đình bà Lê Thị M là đảm bảo cho tiến độ thi công xây dựng công trình theo kế hoạch. Dự án chỉ thi công (tác động) vào phần đất tương ứng với số tiền đã bồi thường, hỗ trợ cho bà. Việc hộ cho rằng chưa được nhận đủ tiền bồi thường hỗ trợ đất đai, tài sản trên đất tại dự án là không đúng, vì năm 2012 hộ đã nhận 45.000.000 đồng, đến tháng 3/2021 hộ không

nhận tiền. Đồng thời việc hộ yêu cầu chi trả tiền chậm bồi thường, hỗ trợ là không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

Do không đồng với Quyết định số 3996/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của Chủ tịch UBND thành phố H, bà M đã làm đơn khiếu nại.

Ngày 30/11/2021, Chủ tịch UBND tỉnh H ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2817/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà M (giải quyết khiếu nại lần 2) là đúng quy định pháp luật, Bà M khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định trên là không có cơ sở, đề nghị Tòa ám xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

2.2. Tại Văn bản số 1786 ngày 30/5/2023, Chủ tịch UBND thành phố H trình bày:

Về căn cứ pháp lý, thẩm quyền ban hành Quyết định thu hồi đất đối với với bà Lê Thị M: UBND huyện K ban hành Quyết định số 352/QĐ-UBND ngày 12/3/2012:

Căn cứ Luật Đất đai 2003; Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ Quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Quyết định số 2143/QĐ-UBND ngày 30/10/2009 của UBND tỉnh H về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Công trình Đường B - B, huyện K.

UBND thành phố H ban hành Quyết định số 4678/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 về việc điều chỉnh Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 18/6/2012 và Quyết định số 4679/QĐ-UBND 18/11/2020 về việc điều chỉnh Quyết định số 681/QĐ-UBND ngày 19/6/2012 của UBND huyện K.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Nghị định số 43/2014/NĐCP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 2143/QĐ-UBND ngày 30/10/2009 của UBND tỉnh H về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Công trình Đường B - xóm D - B, huyện K; Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 18/6/2012 của UBND huyện K về việc thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân tại xóm D, xã D để xây dựng Công trình Đường B - xóm D - B, huyện K; Quyết định số 2615/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND huyện K về việc phê duyệt điều chỉnh thiết kế và dự toán công trình Đường B xóm D - B, huyện K; Tờ trình số 308/TTr-TNMT ngày 23/10/2020 của phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố H.

Quyết định thu hồi đất của UBND huyện K (nay là UBND thành phố H) đã căn cứ vào cơ sở pháp lý theo đúng luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 17/2008/QH12 và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Đảm bảo đúng thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản, ban hành đúng thẩm quyền và trình tự thực hiện theo quy định tại Điều 39 Luật Đất đai năm 2003 và Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

UBND thành phố H ban hành Quyết định thu hồi đất đối với hộ bà Lê Thị M để thực hiện dự án Đường B - xóm D - B dựa trên căn cứ như đã nêu tại Mục 3, Phần III là đúng với quy định của pháp luật hiện hành.

Việc UBND thành phố ban hành Quyết định 3996 về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị M (chồng là ông Đinh Đại L2) và 22 hộ gia đình xóm M, xã Đ, thành phố H là đúng quy định của pháp luật. Vụ việc đã được UBND tỉnh xem xét giải quyết tại Quyết định 2817. UBND thành phố giữ nguyên quan điểm, nội dung giải quyết tại các quyết định nêu trên và đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết nội dung đơn khởi kiện của bà Lê Thị M theo quy định của pháp luật.

3. Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Người đại diện hợp pháp của UBND tỉnh H và người đại diện hợp pháp của UBND thành phố H: Thống nhất với ý kiến của người bị kiện, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà M.

3.2. Người đại diện hợp pháp của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố H, tỉnh Hòa Bình trình bày:

Nhất trí với ý kiến của UBND tỉnh H và UBND thành phố H đối với Quyết định số 352/QĐ-UBND ngày 12/3/2012 của UBND huyện K về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: Đường B - Xóm D - B, huyện K số tiền là 7.163.941.881 đồng.

Căn cứ Quyết định số 359/UBND-DA ngày 15/6/2012 của UBND huyện K về việc cho phép điều chỉnh phương án, dự toán bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Đường B - Xóm D - B, huyện K, cụ thể thành 03 đợt:

- Đợt 1, đoạn đi qua xóm H, xã D theo Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 19/6/2012 của UBND huyện K;

- Đợt 2, đoạn đi qua xóm D, xã D theo Quyết định số 681/QĐ-UBND ngày 19/6/2012 của UBND huyện K (nay là UBND thành phố H). Trong đó, hộ gia đình ông Đinh Đại L2 (vợ Lê Thị M) được phê duyệt với số tiền là 291.404.096 đồng;

- Đợt 3, đoạn đi qua xóm D, xã D theo Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 22/6/2012 của UBND huyện K (nay là UBND thành phố H);

Tại hồ sơ chi trả bồi thường, hỗ trợ dự án thể hiện:

- Chi trả cho các hộ xóm H bằng 100%, số tiền là 886.310.2604 đồng (Chủ đầu tư xác định xóm H mở tuyến mới nên chi trả đủ để có mặt bằng thi công).

- Ứng chi trả cho các hộ xóm D số tiền là 1.052.700.000 đồng (trong đó: hộ ông Đinh Đại L2 (vợ Lê Thị M) được ứng số tiền là 45.000.000 đồng; ghi chú: Một số ít hộ có số tiền bồi thường, hỗ trợ nhỏ nên chi trả 100%).

Tại thời điểm đó kinh phí chi trả bồi thường, hỗ trợ có bao nhiêu Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện K (nay là Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố) đã chi trả cho các hộ gia đình, cá nhân.

Ngày 21/8/2020 Trung tâm Phát triển quỹ đất tiến hành chi trả tiền còn lại cho các hộ gia đình theo Quyết định số 681/QĐ-UBND ngày 19/6/2012 và Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 22/6/2012 của UBND huyện K (nay là UBND thành phố H). Hộ gia đình ông Đinh Đại L2 (vợ Lê Thị M) không được mời tới lấy tiền là do: Căn cứ Quyết định số 2615/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 về việc phê duyệt điều chỉnh thiết kế dự toán công Đường B - xóm D - B, huyện K (nay là thành phố H); căn cứ Công văn số 11/CV-BQL ngày 10/02/2020 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện K (nay là Ban Q) đề nghị điều chỉnh Quyết định thu hồi đất và Quyết định phương án bồi thường công trình: Đường B - xóm D - B, huyện K (nay là thành phố H); UBND thành phố H đã ban hành Quyết định số 4679/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 về việc điều chỉnh Quyết định số 681/QĐ-UBND ngày 19/6/2012 của UBND huyện K (nay là UBND thành phố H).

Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố đã có Thông báo số 71/TB-TTPTQĐ ngày 15/3/2021 về việc lịch chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án và Thông báo (lần 2) số 593/TB-TTPTQĐ ngày 10/8/2021 về việc lịch chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án để mời hộ gia đình ông Đinh Đại L2 (vợ Lê Thị M) đến nhận tiền chi trả còn lại (số tiền 14.866.596 đồng) nhưng hộ gia đình không đồng ý nhận số tiền trên.

Phạm vi thu hồi theo Quyết định số 4679/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của UBND thành phố H là phần đất của hộ gia đình nằm trong nền đường cũ hiện nay đã được thi công tuyến đường. Yêu cầu khởi kiện của bà M là không có cơ sở, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà M.

3.3. Người đại diện hợp pháp của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố H trình bày:

Thống nhất với ý kiến của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố H về việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình bà Lê Thị M (chồng là ông Đinh Đại L2).

Qua xem xét hồ sơ thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, đối chiếu với hồ sơ thi công dự án cho thấy: Năm 2012 UBND huyện K đã chi trả tiền bồi thường hỗ trợ cho hộ gia đình Lê Thị M (chồng là Đinh Đại L2) với số tiền là 45.000.000 đồng. Tại thời điểm chi trả tiền, dự án chưa thi công vào diện tích đất của hộ gia đình vì vị trí đất của hộ thuộc giai đoạn thi công cuối cùng của tuyến đường. Do chưa có nguồn kinh phí chi trả và hộ gia đình ông Đinh Đại L2 (vợ là Lê Thị M) không đồng ý bàn giao mặt bằng trước cho nên chủ đầu tư và đơn vị thi công không thi công trên toàn bộ phần đất theo quyết định thu hồi (Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 18/6/2012), chỉ thi công vào

phần đất của hộ nằm trong nền đường cũ với diện tích là 267,6m^2 như Quyết định đã điều chỉnh.

Như vậy, việc điều chỉnh giảm diện tích đất phải thu hồi của gia đình ông Đinh Đại L2 (vợ là Lê Thị M) là đảm bảo cho tiến độ thi công xây dựng công trình theo kế hoạch. Dự án chỉ thi công (tác động) vào phần đất tương ứng với số tiền đã bồi thường, hỗ trợ cho hộ từ năm 2012.

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố H hoàn toàn nhất trí với nội dung Quyết định số 2817 của UBND tỉnh H, Quyết định số 3996 của UBND thành phố H. Theo đó, bà Lê Thị M khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định trên là không có cơ sở.

3.4. Đại diện của Ủy ban nhân dân xã Đ: Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà M.

4. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2023/HC-ST ngày 31 tháng 5 năm 2023, Toà án nhân dân tỉnh Hòa Bình đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M về việc yêu cầu "huỷ Quyết định giải quyết khiếu nại số 3996/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H và Quyết định giải quyết khiếu nại số 2817/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H" do không có căn cứ pháp luật.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M về việc "Buộc chủ tịch UBND thành phố H: Bổ sung phương án bồi thường cho đình bà M, thông báo xin lỗi công khai bà M và gia đình bà M tại tổ dân phố nơi sinh sống và bồi thường thiệt hại về vật chất cho gia đình bà M số tiền 30.000.000 đồng" do không có căn cứ pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên miễn án phí hành chính sơ thẩm cho bà Lê Thị M và phổ biến quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

5. Kháng cáo: Ngày 09/6/2023, bà Lê Thị M có đơn kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết, xét xử lại.

6. Tại phiên tòa phúc thẩm:

6.1. Người khởi kiện và người đại diện hợp pháp của người khởi kiện giữ nguyên đơn khởi kiện và đơn kháng cáo.

6.2. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố H đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

6.3. Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ, đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập đầy đủ, hợp lệ những người tham gia tố tụng đến phiên tòa nhưng

phía người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt phía người bị kiện là đúng quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng Hành chính. Những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án:

Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập, xem xét và đánh giá đầy đủ các chứng cứ, tài liệu, lời trình bày của các bên đương sự. Trên cơ sở đó đã xác định các quyết định hành chính bị khiếu kiện đều được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền; nội dung phù hợp với các quy định của pháp luật nên đã quyết định bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện bà Lê Thị M là có căn cứ pháp luật.

Bà M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nhưng phần lớn những lý do bà M và người đại diện hợp pháp của bà M trình bày tại phiên tòa là không phù hợp với quy định của pháp luật, chỉ có lý do dự án triển khai chậm và việc chi trả số tiền bồi thường, hỗ trợ cũng chậm là đúng. Tuy nhiên, đó là do nguyên nhân khách quan nguồn vốn chi trả cho công tác GPMB gặp khó khăn và hộ bà M không đồng ý bàn giao mặt bằng; vì vậy, ngày 31/10/2018 UBND huyện K đã ban hành Quyết định số 2615/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh thiết kế và dự toán Công trình, ngày 18/11/2020 UBND thành phố H ban hành Quyết định số 4678/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 18/6/2012 và Quyết định số 4679/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 681/QĐ-UBND ngày 19/6/2012 của UBND huyện K. Theo đó, đã điều chỉnh giảm diện tích đất thu hồi đối với hộ bà Lê Thị M từ 1.516m^2 xuống còn 267,6m^2 và điều chỉnh giảm số tiền bồi thường từ 291.404.096 đồng xuống còn 59.866.596 đồng. Ngày 18/3/2021, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố H chi trả số tiền hộ bà M chưa nhận là 14.866.596 đồng nhưng hộ không đến nhận tiền. Như vậy, trong thời gian bà M khiếu nại yêu cầu được chi trả số tiền chậm bồi thường thì Luật Đất đai năm 2013 đã có hiệu lực thi hành; theo quy định tại khoản 6 Điều 210 của Luật này thì hộ bà Lê Thị M đã được phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ năm 2012 và đang thực hiện việc chi trả bồi thường, hỗ trợ theo phương án đã được phê duyệt trước ngày 01/7/2014 nên hộ bà M không được chi trả thêm một khoản tiền do việc chậm trả tiền bồi thường, hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật Đất đai năm 2013. Vì vậy, tại các Quyết định giải quyết khiếu nại đã không chấp nhận yêu cầu của bà M được chi trả số tiền chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ là đúng pháp luật. Ngoài những lý do nêu trên thì bà M và người đại diện hợp pháp của bà M không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào mới. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác đơn kháng cáo của bà Lê Thị M và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm định tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự, người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự; ý kiến của Kiểm sát viên và nghị án,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M về việc hủy Quyết định số 3996/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của Chủ tịch UBND thành phố H "Về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị M (chồng là ông Đinh Đại L2) và 22 hộ gia đình xóm M, xã Đ, thành phố H (lần đầu)" và Quyết định số 2817/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh H "Về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị M và 22 hộ gia đình xóm M, xã Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình (lần hai)" thì thấy:

[1.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết khiếu nại:

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Ngày 16/5/2011, UBND huyện K ban hành Thông báo số 35/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Đường B - Xóm D - B.

Ngày 12/3/2012, UBND huyện K ban hành Quyết định số 352/QĐ- UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: Đường B - Xóm D - B, huyện K (sau đây viết tắt là: Công trình); kinh phí bồi thường, hỗ trợ là 7.307.220.000 đồng.

Ngày 18/6/2012, UBND huyện K ban hành Quyết định số 676/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân tại xóm D, xã D để xây dựng Công trình với tổng diện tích là 5.408,9m^2; trong đó, diện tích thu hồi của bà Lê Thị M là 1.516m^2, vị trí đất thuộc giai đoạn thi công đoạn cuối cùng của tuyến đường.

Ngày 19/6/2012, UBND huyện K ban hành Quyết định số 681/QĐ-UBND về việc phê duyệt lại dự toán, phương án bồi thường hỗ trợ Công trình (đợt 2, đoạn đi qua xóm D, xã D). Trong đó, hộ bà Lê Thị M được bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất là 291.404.096 đồng, ông Đinh Đại L2 (chồng bà M) đã nhận tạm ứng số tiền đền bù GPMB là 45.000.000 đồng.

Bà Lê Thị M cho rằng hộ gia đình bà chưa được nhận đủ tiền bồi thường, hỗ trợ và cùng 23 hộ xóm M đề nghị chi trả tiền chậm bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất theo Quyết định số 352/QĐ-UBND ngày 12/3/2012 của UBND huyện K (nay là thành phố H) nên đã có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố H.

Chủ tịch UBND thành phố H đã thụ lý đơn khiếu nại, giao nhiệm vụ cho các cơ quan chuyên môn tổ chức việc xác minh nội dung khiếu nại và sau khi có kết quả xác minh, đối thoại (nhưng hộ bà M không đến), đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 3996/QĐ-UBND ngày 27/7/2021. Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố H nêu trên, bà Lê Thị M và 22 hộ dân trú tại xóm M Giao tiếp tục khiếu nại. Chủ tịch UBND tỉnh H đã thụ lý đơn khiếu nại, giao nhiệm vụ cho Thanh tra tỉnh phối hợp với các cơ quan chuyên môn tổ chức việc xác minh nội dung khiếu nại và sau khi có Báo cáo số 173/BC-TTr ngày 08/11/2021 của Thanh tra tỉnh về kết quả xác minh nội dung giải quyết khiếu nại, ngày 30/11/2021 đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 2817/QĐ-UBND là đúng trình

tự, thủ tục, thẩm quyền quy định tại các Điều 18, 21, 27, 28, 29, 30, 31, 36, 38, 39, 40 của Luật Khiếu nại và hướng dẫn tại Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại.

[1.2] Về nội dung giải quyết khiếu nại:

[1.2.1] Theo kết quả xác minh nội dung khiếu nại của hộ bà Lê Thị M (chồng là Đinh Đại L2) và đề nghị của 23 hộ dân xóm M đã xác định:

Khu đất của 23 hộ gia đình bị thu hồi đất tại dự án Đường B - Xóm D - B (trong đó có hộ bà M) theo hồ sơ đo địa chính, thuộc các tờ bản đồ số: 39-5d, 6a, 6b, 6c, 8d, 9, 10, xã D; mục đích sử dụng là đất ở, đất trồng cây lâu năm khác, đất trồng cây hàng năm, đất 1 lúa, 2 lúa có nguồn gốc do các hộ khai phá, sử dụng từ những năm 1990.

Ngày 12/3/2012, UBND huyện K ban hành Quyết định số 352/QĐ- UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Công trình; ngày 18/6/2012, UBND huyện K ban hành Quyết định số 676/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân tại xóm D, xã D để xây dựng Công trình; trong đó, diện tích thu hồi của hộ bà Lê Thị M là 1.516m^2, vị trí đất thuộc giai đoạn thi công đoạn cuối cùng của tuyến đường.

Ngày 19/6/2012, UBND huyện K ban hành Quyết định số 681/QĐ-UBND về việc phê duyệt lại dự toán, phương án bồi thường hỗ trợ Công trình (đợt 2, đoạn đi qua xóm D, xã D); trong đó, hộ bà Lê Thị M được bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất là 291.404.096 đồng, ông Đinh Đại L2 (chồng bà M) đã nhận tạm ứng số tiền đền bù GPMB là 45.000.000 đồng.

Sau đó, hộ bà Lê Thị M (chồng là Đinh Đại L2) khiếu nại về việc chưa được nhận đủ số tiền bồi thường hỗ trợ và cùng 22 hộ dân xóm M đề nghị chi trả tiền chậm bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án. Như vậy, hộ bà Lê Thị M (chồng là Đinh Đại L2) không có ý kiến gì về diện tích, loại đất thu hồi cũng như số tiền bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt tại các Quyết định trên.

[1.2.2] Theo phía người bị kiện trình bày thì do nguồn vốn chi trả cho công tác GPMB gặp khó khăn, đồng thời hộ bà M không đồng ý bàn giao mặt bằng. Để đảm bảo việc thực hiện dự án theo kế hoạch, ngày 06/11/2017 UBND tỉnh H ban hành Quyết định số 2199/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh thiết kế và dự toán công trình Đường B - Xóm D - B, huyện K. Thực hiện Quyết định trên, ngày 31/10/2018 UBND huyện K ban hành Quyết định số 2615/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh thiết kế và dự toán Công trình; ngày 18/11/2020 UBND thành phố H ban hành Quyết định số 4678/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 18/6/2012 và Quyết định số 4679/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 681/QĐ-UBND ngày 19/6/2012 của UBND huyện K. Theo đó, đã điều chỉnh giảm diện tích đất thu hồi của hộ bà Lê Thị M từ 1.516m^2 xuống còn 267,6m^2 và điều chỉnh giảm số tiền bồi thường từ 291.404.096 đồng xuống 59.866.596 đồng. Như vậy, sau khi trừ số tiền

45.000.000 đồng đã nhận tạm ứng thì số tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB hộ bà Lê Thị M chưa nhận là 14.866.596 đồng. Ngày 18/3/2021, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố H chi trả số tiền còn lại trên cho hộ bà M nhưng hộ không đến nhận tiền.

Đối với việc thi công mặt đường vào phần diện tích đất của hộ bà M thì UBND thành phố H xác định là vào tháng 11/2018 và chỉ thi công vào phần đất của hộ bà M nằm trong nền đường cũ với diện tích 267,6m^2 như tại Quyết định đã điều chỉnh.

[1.2.3] Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14/4/2023 đối với hiện trạng khu đất của hộ gia đình bà Lê Thị M thể hiện: Hộ gia đình bà M chỉ bị thu hồi một phần diện tích đất để xây dựng công trình Đường B - Xóm D - B; phần diện tích đất còn lại của hộ bà M giáp với đường không bị thu hồi, hiện nay gia đình bà Lê Thị M vẫn đang quản lý và sử dụng.

[1.2.4] Để làm rõ diện tích đất thu hồi của hộ bà M theo Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 18/6/2012 của UBND huyện K và điều chỉnh giảm theo Quyết định số 4678/QĐ-UBND ngày 8/11/2020 của UBND thành phố H, sau khi Tòa án cấp phúc thẩm yêu cầu, ngày 12/9/2023 UBND thành phố H có Văn bản số 3186/UBND-TNMT giải trình như sau:

Theo Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 18/6/2012 của UBND huyện K, diện tích đất thu hồi của hộ bà M tại các thửa sau:

- Thửa 28, diện tích thu hồi 145,4m^2, loại đất ở (ONT);

- Thửa 66, diện tích thu hồi 204,8m^2, loại đất trồng cây lâu năm khác (LNK);

- Thửa 02, diện tích thu hồi 251,4m^2, loại đất trồng cây hàng năm khác (BNK);

- Thửa 08, diện tích thu hồi 442,1m^2, loại đất trồng cây lâu năm khác (LNK);

- Thửa 03, diện tích thu hồi 472,3m^2, loại đất trồng cây hàng năm khác (BNK);

Theo Quyết định số 4678/QĐ-UBND ngày 8/11/2020 của UBND thành phố H thì số đất thực tế hộ bà M bị thu hồi là 267,6 m^2 tại các thửa sau:

- Thửa 28, diện tích thu hồi 10,6m^2, loại đất ở (ONT);

- Thửa 66, diện tích thu hồi 5,6m^2, loại đất trồng cây lâu năm khác (LNK);

- Thửa 02, diện tích thu hồi 251,4m^2, loại đất trồng cây hàng năm khác (BNK);

[1.2.5] Trên cơ sở đánh giá những tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của các đương sự ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại thời điểm UBND huyện K ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt dự toán, phương án bồi thường, hỗ trợ Công trình (năm 2012), hộ gia đình bà M đã nhận tạm ứng số tiền đền bù giải phóng mặt bằng là 45.000.000 đồng nhưng dự án chưa thi công vào diện tích đất của hộ gia đình bà M. Do chưa có nguồn kinh phí chi trả và hộ bà M không đồng ý bàn giao mặt bằng trước nên đơn vị thi công không thi

công trên toàn bộ phần đất theo Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 18/6/2012 mà đến tháng 11/2018 mới thi công vào 267,6m^2 đất của hộ bà M nằm trong nền đường cũ (là diện tích đất được điều chỉnh tại Quyết định số 2615/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND huyện K về việc phê duyệt điều chỉnh thiết kế và dự toán Công trình). Theo đó, ngày 18/11/2020 UBND thành phố H ban hành Quyết định số 4678/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 18/6/2012 và Quyết định số 4679/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 681/QĐ-UBND ngày 19/6/2012 của UBND huyện K; tại các Quyết định này đã điều chỉnh giảm diện tích đất thu hồi của hộ bà Lê Thị M từ 1.516m^2 xuống còn 267,6m^2 và điều chỉnh giảm số tiền bồi thường từ 291.404.096 đồng xuống 59.866.596 đồng. Hộ bà M đã được Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố H chi trả số tiền chưa nhận bồi thường, hỗ trợ GPMB là 14.866.596 đồng nhưng hộ không đến nhận tiền.

Như vậy, UBND thành phố H chỉ thu hồi 267,6m^2 đất của hộ bà M (tại các thửa: Thửa 28 thu hồi 10,6m^2 đất ở (ONT); thửa 66 thu hồi 5,6m^2 đất trồng cây lâu năm khác (LNK) và thửa 02 thu hồi 251,4m^2 đất trồng cây hàng năm khác (BNK) để xây dựng Công trình; không thu hồi toàn bộ diện tích đất 1.516m^2 của hộ bà M theo Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 18/6/2012 của UBND huyện K. Do đó, tại các Quyết định giải quyết khiếu nại đã không chấp nhận khiếu nại của bà Lê Thị M (chồng là ông Đinh Đại L2) về việc gia đình chưa được nhận đủ tiền bồi thường, hỗ trợ tại dự án Đường B - Xóm D - B huyện K là có căn cứ pháp luật.

[1.2.6] Đối với đề nghị của hộ bà M (cùng 22 hộ khác tại xóm M) về việc chi trả tiền chậm bồi thường, hỗ trợ:

Tại khoản 6 Điều 210 Luật Đất đai 2013 quy định: *"... Trường hợp những dự án, hạng mục đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án đã được phê duyệt trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt, không áp dụng theo quy định của Luật này"*.

Theo những nội dung phân tích ở trên đã xác định: Việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phòng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất đã được UBND huyện K thực hiện từ năm 2012 và đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ theo phương án đã được phê duyệt trước ngày 01/7/2014; việc ngày 18/11/2020 UBND thành phố H ban hành Quyết định số 4678/QĐ-UBND và Quyết định số 4679/QĐ-UBND là điều chỉnh giảm diện tích đất thu hồi và điều chỉnh giảm số tiền bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 18/6/2012 và Quyết định số 681/QĐ-UBND ngày 19/6/2012 của UBND huyện K cho đúng với diện tích đất thu hồi thực tế của hộ bà M chứ không phải đến năm 2020 mới thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ. Mặt khác, tại các Quyết định này không điều chỉnh giảm số tiền giá trị tài sản trên toàn bộ diện tích 1.516m^2 đất thu hồi theo Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 18/6/2012 đã được phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 681/QĐ-UBND ngày

19/6/2012 của UBND huyện K là đã bảo đảm quyền lợi cho hộ bà M. Do đó, tại các Quyết định giải quyết khiếu nại đã không chấp nhận nội dung bà M khiếu nại về việc chi trả tiền chậm bồi thường, hỗ trợ tại dự án đường B - Xóm D - B, huyện K là có căn cứ pháp luật.

[1.3] Với những nội dung phân tích ở trên, có đủ cơ sở xác định: Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 3996/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 và Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 2817/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 đã được Chủ tịch UBND thành phố H và Chủ tịch UBND tỉnh H ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, nội dung bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật kể từ thời điểm thu hồi đất cho đến khi giải quyết khiếu nại. Bà Lê Thị M khởi kiện yêu cầu hủy 02 Quyết định trên là hoàn toàn không có căn cứ pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định bác yêu cầu này của bà M là đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M về việc: "Buộc chủ tịch UBND thành phố H: Bổ sung phương án bồi thường cho gia đình bà M, thông báo xin lỗi công khai gia đình bà và các hộ dân bị thiệt hại vì ban hành quyết định hành chính trái pháp luật và bồi thường thiệt hại về vật chất cho gia đình bà M số tiền 30.000.000 đồng", Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Do yêu cầu của bà M về việc hủy 02 Quyết định giải quyết khiếu nại không được chấp nhận nên yêu cầu của bà M về nội dung "Buộc chủ tịch UBND thành phố H thông báo xin lỗi công khai gia đình bà và các hộ dân bị thiệt hại vì ban hành quyết định hành chính trái pháp luật và bồi thường thiệt hại về vật chất cho gia đình bà M số tiền 30.000.000 đồng" là không có căn cứ pháp luật.

[2.2] Đối với yêu cầu "Buộc chủ tịch UBND thành phố H bổ sung phương án bồi thường cho gia đình bà M": Theo những nội dung phân tích ở trên đã xác định quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất của UBND huyện K ban hành năm 2012 là phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm đó, bà M không có khiếu kiện gì đối với các quyết định trên. Đối với các quyết định của UBND thành phố H ban hành năm 2020 về việc điều chỉnh giảm diện tích thu hồi và điều chỉnh giảm số tiền bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà M là do yếu tố khách quan thiếu nguồn vốn đầu tư cho dự án và gia đình bà M cũng không đồng ý giao mặt bằng trước; đồng thời, việc điều chỉnh giảm nêu trên cũng không làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của gia đình bà M. Vì vậy, yêu cầu của bà M về việc buộc chủ tịch UBND thành phố H bổ sung phương án bồi thường cho gia đình bà M là không có căn cứ pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện nêu trên của bà Lê Thị M là đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính.

[3] Tổng hợp những kết quả phân tích ở trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

[3.1] Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M là có căn cứ, đúng pháp luật. Bà Lê Thị M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án. Tuy nhiên, hầu hết những lý do bà M và người đại diện hợp pháp của bà M trình bày tại phiên tòa phúc thẩm là không phù hợp với quy định của pháp luật; chỉ có lý do dự án triển khai chậm và việc chi trả số tiền bồi thường, hỗ trợ cũng chậm là đúng nhưng là do nguyên nhân khách quan thiếu nguồn vốn chi trả cho công tác GPMB và hộ bà M không đồng ý bàn giao mặt bằng, vì vậy đến năm 2020 UBND thành phố H đã ban hành các quyết định điều chỉnh giảm diện tích thu hồi và điều chỉnh giảm số tiền bồi thường của hộ bà Lê Thị M cho đúng diện tích đất thu hồi nhưng không làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của gia đình bà M, đúng như ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã phát biểu tại phiên tòa. Ngoài những lý do nêu trên thì bà M và người đại diện hợp pháp của bà M không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào mới nên kháng cáo của bà Lê Thị M Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận.

[3.2] Tuy vậy, xem xét toàn diện các tình tiết của vụ án thì thấy:

(1) Đối với UBND thành phố H: Mặc dù tại các Quyết định giải quyết khiếu nại bị khiếu kiện có thể hiện đầy đủ các Quyết định do UBND thành phố H ban hành: về việc phê duyệt điều chỉnh thiết kế và dự toán Công trình (Quyết định số 2615/QĐ-UBND ngày 31/10/2018); về việc điều chỉnh giảm diện tích đất thu hồi, điều chỉnh giảm số tiền bồi thường hỗ trợ của hộ bà Lê Thị M (Quyết định số 4678/QĐ-UBND và Quyết định số 4679/QĐ-UBND cùng ngày 18/11/2020) nhưng trong hồ sơ không thể hiện việc UBND thành phố H đã thông báo hoặc giao các Quyết định trên cho hộ bà M là có thiếu sót. Mặc dù nội dung các Quyết định trên không làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của hộ bà M, nhưng việc không thông báo hoặc giao các Quyết định trên cho hộ bà M đã làm ảnh hưởng đến sự khách quan, minh bạch trong hoạt động hành chính của cơ quan Nhà nước và cũng là một trong những nguyên nhân bà M tiếp tục khiếu kiện. Tuy nhiên, thiếu sót trên không làm thay đổi kết quả giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử yêu cầu UBND thành phố H nghiêm túc rút kinh nghiệm.

(2) Đối với Tòa án cấp sơ thẩm: Bà Lê Thị M khởi kiện yêu cầu hủy toàn bộ 02 Quyết định giải quyết khiếu nại: Quyết định số 3996/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của Chủ tịch UBND thành phố H "Về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị M (chồng là ông Đinh Đại L2) và 22 hộ gia đình xóm M, xã Đ, thành phố H (lần đầu)" và Quyết định số 2817/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh H "Về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị M và 22 hộ gia đình xóm M, xã Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình (lần hai)" là vượt quá quyền của mình quy định tại Điều 5 của Luật Tố tụng hành chính (bà M chỉ có quyền yêu cầu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình). Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu bà M sửa đổi đơn khởi kiện và khi xét xử cũng không đánh giá về nội dung này là có thiếu sót, cần nghiêm túc rút kinh nghiệm để bảo đảm việc thụ lý, giải quyết vụ án được chính xác, đúng pháp luật.

[4] Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị M có kháng cáo không được chấp nhận nhưng là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính: Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Lê Thị M; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2023/HC-ST ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Toà án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội: Bà Lê Thị M được miễn toàn bộ án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 10 tháng 11 năm 2023).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Điền

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Cục THADS tỉnh Hòa Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.